TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂ DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát T

2. Ông Phạm Văn T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1990.
HKTT: P506N1 CC M , phường Đ , thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Đội 3, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Đào Tuấn A - Sinh năm 1992
HKTT: P506N1 CC M , phường Đ , thành phố Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: P220 N19 Chung cư Đ, phường Đ, thành phố Thanh Hóa.
(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Tuấn A kết hôn với nhau năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ , thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hơn nữa anh Tuấn A không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên chửi bới chị nên không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng

được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, mà ngày càng trầm trọng hơn. Kể từ cuối năm 2022 đến nay chị cùng 02 con bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A.

Về con: Anh chị có 02 con chung là cháu Đào Nguyễn Minh K – sinh ngày 23/8/2021 và Đào Nguyễn Minh C – sinh ngày 23/8/2021. Ly hôn, do hai cháu còn nhỏ nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh Tuấn Anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đào Tuấn A theo quy định của pháp luật nhưng anh Tuấn A không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Đào Tuấn Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau năm 2020 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì phố không nắm được. Nhưng địa phương được biết vợ chồng anh Tuấn Anh và chị H đã sống ly thân, chị H cùng với hai con về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Nông Cống để ở, còn anh Tuấn Anh cũng về ở cùng với bố mẹ đẻ từ giữa năm 2022 đến nay. Về con: Anh Tuấn A và chị H có có hai con chung sinh đôi là cháu Đào Nguyễn Minh K – sinh ngày 23/8/2021 và Đào Nguyễn Minh C – sinh ngày 23/8/2021. Về tài sản công nợ của anh chị địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Tuấn Anh, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đào Tuấn A có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Tuấn Anh kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ , thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị H, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị H anh Tuấn A do bất đồng quan điểm sống, cả vợ và chồng không hiểu nhau dẫn đến cải chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Tuấn A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để hòa giải, không tham gia phiên tòa, mặc nhiên để chị H đơn phương ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị H anh Tuấn Anh không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn anh Tuấn Anh.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là cháu Đào Nguyễn Minh K – sinh ngày 23/8/2021 và Đào Nguyễn Minh C – sinh ngày 23/8/2021. Hiện nay các cháu đang ở với chị H, chị vẫn nuôi dạy cháu đảm bảo về mọi mặt. Bản thân chị H có công việc và thu nhập ổn định và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu hai cháu K và cháu C. Hơn nữa, hiện nay các cháu còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy giao cháu K và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh Tuấn anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Tuấn A

Về con chung: Công nhận cháu Đào Nguyễn Minh K – sinh ngày 23/8/2021 và Đào Nguyễn Minh C – sinh ngày 23/8/2021 là con chung của chị Nguyễn Thị H

và anh Đào Tuấn A. Giao cháu K và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tuấn Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tuấn A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002804 ngày 17/10/2023của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tuấn Anh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Đ , Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Q